PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiên bản 9.1
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/08/25
Ngày in 2026/08/27

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

1.1 Nhận dạng của sản phẩm

Tên sản phẩm : Sodium dodecyl sulfate EMPROVE® ESSENTIAL Ph Eur

Số sản phẩm : 8.17034
Số Danh Mục : 817034
Nhãn hiệu : Millipore
Số CAS : 151-21-3

1.2 Các nhận dạng khác của sản phẩm/hóa chất

chưa có dữ liệu

1.3 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo : Sản xuất và phân tích dược phẩm

1.4 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty : Công ty TNHH Merck Việt Nam
Tầng 21, Tòa nhà Ngôi nhà Đức
số 33, đường Lê Duẩn, Phường Sài Gòn
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 740000
VIETNAM

Điện thoại : +84 28 3842 0100
Địa chỉ e-mail : technicalservice@merckgroup.com

1.5 Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

Số Điện thoại Khẩn cấp : ĐT: +84 8 38420100/ + 84 8 38420117 *
CHEMTREC +65 3163 8374

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo GHS

Chất rắn dễ cháy : Cấp 2

Độc cấp tính (Đường miệng) : Cấp 4

Độc cấp tính (Hít phải) : Cấp 4

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

Ăn mòn/kích ứng da	:	Cấp 2
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	:	Cấp 1
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn	:	Cấp 3 (Hệ hô hấp)
Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh	:	Cấp 2
Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh	:	Cấp 3

Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :

Từ cảnh báo : Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm :

H228 Chất rắn dễ cháy.
H302 + H332 Có hại nếu nuốt phải hoặc nếu hít phải.
H315 Gây kích ứng da.
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.
H401 Độc đối với sinh vật thuỷ sinh.
H412 Có hại đối với sinh vật thuỷ sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Các lưu ý phòng ngừa :

Biện pháp phòng ngừa:

P210 Để xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. - Không hút thuốc.
P240 Tiếp đất và kết nối tất cả các thùng chứa và thiết bị thu nhận.
P241 Sử dụng các thiết bị điện/ thông gió/ chiếu sáng/ chống cháy nổ.
P261 Tránh hít phải bụi.
P264 Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.
P270 Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
P271 Chỉ sử dụng ở ngoài trời hoặc ở khu vực có sự thông thoáng tốt.
P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

Biện pháp ứng phó:

P301 + P312 + P330 NẾU NUỐT PHẢI: Gọi tới TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/ bác sỹ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.
P302 + P352 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch bằng thật nhiều nước.
P304 + P340 + P312 NẾU HÍT PHẢI: Di chuyển nạn nhân tới chỗ không khí thoáng mát và thoải mái để thở. Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.
P305 + P351 + P338 + P310 NẾU BAY VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong một vài phút. Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và dễ

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

làm. Tiếp tục rửa. Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ.
P332 + P313 Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.
P362 + P364 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm độc và giặt sạch trước khi sử dụng.
P370 + P378 Trong trường hợp cháy: Sử dụng cát, hóa chất khô hoặc bọt chịu cồn để dập tắt.

Lưu trữ:

P403 + P233 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ thùng chứa luôn đóng kín.
P405 Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.

Việc thải bỏ:

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Được biết là chưa xảy ra.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Đơn chất

Số CAS : 151-21-3

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
Sodium dodecyl sulphate	151-21-3	>= 70 -<= 100

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung : Cho bác sĩ đang điều trị xem bảng dữ liệu an toàn này.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Sau khi hít phải: không khí sạch.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Trong trường hợp tiếp xúc với da: Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm.

Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch bằng nhiều nước.
Gọi bác sĩ nhãn khoa ngay lập tức.
Gỡ bỏ kính áp tròng.

Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Sau khi nuốt vào: cho nạn nhân uống nước ngay lập tức (nhiều nhất hai cốc).
Tham vấn bác sĩ.

Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau : Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất được mô tả trên nhãn (tham khảo Phần 2 Các yếu tố nhãn theo GHS) và/hoặc Phần 11.

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

này

Bảo vệ người sơ cứu	:	Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.
Lưu ý đối với bác sỹ điều trị	:	chưa có dữ liệu

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp	:	Nước Bọt Carbon diôxit (CO2) Bột khô
Các phương tiện chữa cháy không thích hợp	:	Đối với chất/hỗn hợp này, không có giới hạn tác nhân dập lửa nào được cung cấp.
Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy	:	dễ cháy Hỏa hoạn có thể gây ra sự biến đổi của: Ôxit lưu huỳnh Các hơi này nặng hơn không khí và có thể lan toả dọc theo sàn nhà. Tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi không khí nóng quá mức. Có thể phát sinh khí hoặc hơi dễ cháy nguy hiểm khi có lửa.
Các chất độc được sinh ra khi bị cháy	:	Carbon ôxit Ôxit lưu huỳnh Natri oxit
Các phương pháp cứu hỏa cụ thể	:	Làm lắng khí, hơi, sương bằng tia bụi nước. Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa	:	Chỉ ở trong khu vực nguy hiểm khi có thiết bị hô hấp khép kín. T an toàn hoặc bằng cách mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố	:	Lời khuyên dành cho nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp: Tránh hít bụi. Tránh tiếp xúc với hóa chất. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Để xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy. Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phó khẩn cấp, tham khảo ý kiến chuyên gia. Hướng dẫn đối với những nhân viên thuộc ban phản ứng khẩn cấp: Sử dụng trang thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp như được quy định tại Mục 8.
Các cảnh báo về môi trường	:	Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh. Nguy cơ nổ.
Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố	:	Đậy cống. Thu thập, buộc và xả vết tràn. Quan sát các hạn chế về chất có thể (xem các phần 7 và 10). Thấm khô. Vứt bỏ đúng cách. Dọn sạch khu vực bị ảnh hưởng. Tránh tạo ra bụi.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Tra cứu các biện pháp phòng ngừa trong phần Mục 2 Các yếu tố nhãn theo GHS

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ	:	Để xa các ngọn lửa trần, các bề mặt nóng và các nguồn gây cháy. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.
Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm	:	Làm việc có mũ bảo hộ. Không hít chất/hỗn hợp.
Các thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ	:	Đóng chặt. Để xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy.
Phân loại bảo quản	:	4.1B, Các chất nguy hiểm dạng rắn dễ cháy
Nhiệt độ lưu giữ đề nghị	:	Nhiệt độ lưu trữ được đề xuất nếu liên quan, xem nhãn sản phẩm.
Thêm thông tin về độ ổn định kho lưu trữ	:	Nhiệt độ lưu trữ được đề xuất nếu liên quan, xem nhãn sản phẩm.

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc
Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp : chưa có dữ liệu

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp	:	bắt buộc khi có bụi. Các khuyến nghị của chúng tôi về lọc thiết bị bảo vệ hô hấp dựa trên các tiêu chuẩn sau: DIN EN 143, DIN 14387 và các tiêu chuẩn đi kèm khác liên quan đến hệ thống thiết bị bảo vệ hô hấp đã sử dụng.
Loại bộ lọc đề xuất:	:	Bộ lọc loại P2

Công ty phải đảm bảo rằng việc bảo trì, lau chùi và kiểm tra thi dẫn của nhà sản xuất.
Các phương pháp này phải được lập thành

Bảo vệ tay

Vật liệu	:	Cao su nitrile
Thời gian thấm	:	480 min
Độ dày của găng	:	0.11 mm
Chỉ số bảo vệ	:	tiếp xúc hoàn toàn
Nhà sản xuất	:	KCL 741 Dermatril® L

Vật liệu	:	Cao su nitrile
Thời gian thấm	:	480 min
Độ dày của găng	:	0.11 mm
Chỉ số bảo vệ	:	tiếp xúc một lượng nhỏ
Nhà sản xuất	:	KCL 741 Dermatril® L

Ghi chú	:	Khuyến nghị này chỉ áp dụng cho sản phẩm được nêu trong bảng dữ liệu an toàn và do chúng tôi cung cấp cũng như cho mục đích do chúng tôi chỉ định. Khi hòa tan hoặc trộn với các chất khác và trong các điều kiện khác với các điều kiện nêu trong EN 16523-1, vui lòng liên hệ với nhà cung cấp găng tay được CE phê duyệt (ví dụ: KCL GmbH, D-36124 Eichenzell, Internet: www.kcl.de).
Bảo vệ mắt	:	Sử dụng thiết bị bảo vệ mắt được thử nghiệm và phê duyệt theo tiêu chuẩn phù hợp của chính phủ như NIOSH (Hoa Kỳ) hoặc EN 166(EU). Kính bảo hộ vừa khít
Bảo vệ da và cơ thể	:	Quần áo bảo hộ chống tĩnh điện và chống cháy.
Các biện pháp vệ sinh	:	Thay ngay quần áo bẩn. Dùng biện pháp bảo vệ da. Rửa tay và mặt

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

sau khi làm việc với hóa chất.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	:	bột
Màu sắc	:	màu trắng
Mùi đặc trưng	:	không mùi
Ngưỡng mùi	:	Không áp dụng được
Độ pH	:	9.1 Nồng độ: 10 g/l
Điểm/ khoảng nóng chảy	:	204 - 207 °C
	:	Sự phân hủy: Phân hủy dưới điểm sôi.
Điểm cháy	:	170 °C Phương pháp: Quy định (EC) số 440/2008, Phụ lục, A.9
Tỷ lệ hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	:	Chất hoặc hỗn hợp là chất rắn dễ cháy Loại 2 Phương pháp: Tính dễ cháy (các chất rắn)
Tốc độ cháy	:	chưa có dữ liệu
Tự bốc cháy	:	310.5 °C
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	:	<= 0.18 Pa (20 °C) Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 104
Tỷ trọng hơi tương đối	:	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng tương đối	:	chưa có dữ liệu
Mật độ	:	1.03 g/cm3 (20 °C)
Mật độ lớn	:	< 400 kg/m3

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

Độ hòa tan		
Độ hòa tan trong nước	:	130 g/l （20 °C） Phương pháp：Hướng dẫn xét nghiệm OECD 105
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	:	chưa có dữ liệu
Độ nhớt, động lực	:	chưa có dữ liệu
Độ nhớt, động học	:	chưa có dữ liệu
Thời gian chảy	:	chưa có dữ liệu
Đặc tính cháy nổ	:	chưa có dữ liệu
Đặc tính ôxy hóa	:	không
Sức căng bề mặt	:	25.2 mN/m, 1 g/l, 23 °C, Hướng dẫn xét nghiệm OECD 115
Trọng lượng phân tử	:	288.38 g/mol
Đặc điểm hạt		
Kích thước hạt	:	chưa có dữ liệu

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	:	Tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi không khí nóng quá mức. Khoảng từ 15 độ Kelvin dưới điểm chớp được xếp hạng là nguy hiểm. Điều sau đây áp dụng chung cho các chất và hỗn hợp hữu cơ dễ cháy: trong có thể xảy ra.
Tính ổn định	:	Sản phẩm ổn định về mặt hóa học trong điều kiện môi trường chuẩn (nhiệt độ phòng).
Phản ứng nguy hiểm	:	Có thể phản ứng mạnh với: Các chất oxy hóa mạnh
Các điều kiện cần tránh	:	Nhiệt độ cao.
Vật liệu không tương thích	:	chưa có dữ liệu
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	:	Đối với các sản phẩm cháy nguy hại trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn: xem Mục 5.

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Độc cấp tính
LD50 Đường miệng - Chuột - con cái - 977 mg/kg
(Hướng dẫn xét nghiệm OECD 401)
Triệu chứng: Kích thích màng nhầy trong miệng, họng, thực quản và khoang dạ dày.
Ước lượng độc tính cấp Hít phải - 4 h - 1.51 mg/l - bụi / hơi sương

(Phán đoán chuyên môn)
LD50 Da - Chuột - Đực và cái - > 2,000 mg/kg
(Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402)
Ghi chú: Giá trị đã cho tương tứng với các chất sau đây: Sodium octyl sulphate

Ăn mòn/kích ứng da
Da - Thỏ
Kết quả: Gây kích ứng da. - 24 h
(Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404)

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt
Mắt - Thỏ
Kết quả: Những ảnh hưởng không thể phục hồi lên mắt
(Hướng dẫn xét nghiệm OECD 405)

Kích thích hô hấp hoặc da
chưa có dữ liệu

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)
Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm Ames
Hệ thống thử nghiệm: E.coli/Salmonella typhimurium
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hoá trao đổi chất
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471
Kết quả: Âm tính
Loại kiểm nghiệm: Thí nghiệm biến đổi gien tế bào trên động vật có vú tại phòng thí nghiệm
Hệ thống thử nghiệm: Thử nghiệm ung thư hạch bạch huyết trên chuột
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hoá trao đổi chất
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 476
Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: phương pháp liều gây chết trội
Loài: Chuột nhắt

Lộ trình ứng dụng: Đường miệng
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 478
Kết quả: Âm tính

Tác nhân gây ung thư
chưa có dữ liệu

Độc tính sinh sản
chưa có dữ liệu

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn
Hít phải - Có thể gây kích ứng hô hấp. - Đường hô hấp

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại
chưa có dữ liệu

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

Nguy hại hô hấp
chưa có dữ liệu

11.2 thông tin thêm

hắt xì, Muối natri của dodecyl sulfat đã được báo cáo là gây mẫn cảm phổi dẫn đến rối loạn chức năng đường thở và dị ứng phổi kèm theo mệt mỏi, khó chịu, và đau nhức. Các triệu chứng phơi nhiễm đáng kể có thể tồn tại hơn hai năm và có thể được hoạt hóa bởi một loạt các tác nhân kích thích môi trường không đặc hiệu như khí thải ô tô, nước hoa, và hút thuốc thụ động.
Theo hiểu biết tốt nhất của chúng tôi, các đặc tính hóa học, vật lý, và độc tính chưa được nghiên cứu kỹ.

Sau khi hấp thụ số lượng chất độc:

Mệt
giãn mạch

Không loại trừ các đặc tính nguy hiểm khác

Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

Thành phần:

Sodium dodecyl sulphate:

Độc đối với cá	:	LC50 (Pimephales promelas (cá tuế đầu to)): 29 mg/l Điểm kết thúc: tử vong Thời gian phơi nhiễm: 96 h Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm chảy Giám sát phân tích: có Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203
Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác	:	EC50 (Ceriodaphnia dubia (bọ chét nước)): 5.55 mg/l Điểm kết thúc: tử vong Thời gian phơi nhiễm: 48 h Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm chảy Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202
Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước	:	ErC50 (Desmodesmus subspicatus (tảo lục)): > 120 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 72 h Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh Giám sát phân tích: có Phương pháp: DIN 38412 GLP: có
Độc đối với cá (Tính độc mãn tính)	:	NOEC (Pimephales promelas (cá tuế đầu to)): >= 1.36 mg/l Điểm kết thúc: tử vong Thời gian phơi nhiễm: 42 d

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm chảy
Giám sát phân tích: có
Ghi chú: (ECHA)

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính)	:	NOEC (Ceriodaphnia dubia (bọ chét nước)): 0.88 mg/l Điểm kết thúc: tỷ lệ sinh sản Thời gian phơi nhiễm: 7 d Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm chảy Giám sát phân tích: có Phương pháp: US-EPA
Độc tính đối với các vi sinh vật	:	EC50 (Than hoạt tính): 135 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 3 h Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh Ghi chú: (ECHA)

Đánh giá độc tố sinh thái học

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh	:	Có hại đối với sinh vật thuỷ sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Thành phần:

Sodium dodecyl sulphate:

Tính phân hủy sinh học	:	hiếu khí Tiêm chủng: bùn hoạt tính, không thíchnghi Nồng độ: 20 mg/l Kết quả: Dễ phân huỷ sinh học. Phân hủy sinh học: 95 % Thời gian phơi nhiễm: 28 d Phương pháp: OECD Hướng dẫn xét nghiệm 301B GLP: có

Khả năng tích lũy sinh học

Thành phần:

Sodium dodecyl sulphate:

Tính tích lũy sinh học	:	Loài: Cyprinus carpio (cá chép) Yếu tố nồng độ sinh học (BCF): 3.9 - 5.3 Thời gian phơi nhiễm: 72 h

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

chưa có dữ liệu

Đặc tính phá vỡ nội tiết

chưa có dữ liệu

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn	:	Rác thải phải được vứt bỏ theo các quy định của địa phương và nhà nước. Để nguyên hóa chất trong hộp đựng ban đầu. Không để lẫn với rác thải khá c. Xử lý các hộp đựng bẩn giống như xử lý sản phẩm.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

IATA-DGR

Số UN/ID	:	UN 1325
Tên vận chuyển thích hợp	:	Flammable solid, organic, n.o.s. (dodecyl sulphate sodium salt)
Hạng	:	4.1
Nhóm hàng	:	III
Nhãn	:	Division 4.1 - Flammable solids
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay)	:	449
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay)	:	446

Mã IMDG

Số hiệu UN	:	UN 1325
Tên vận chuyển thích hợp	:	FLAMMABLE SOLID, ORGANIC, N.O.S. (dodecyl sulphate sodium salt)
Hạng	:	4.1
Nhóm hàng	:	III
Nhãn	:	4.1
Mã EmS	:	F-A, S-G
Chất ô nhiễm đại dương	:	không

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC

Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Phân loại vận chuyển được nêu ở đây chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và chỉ phụ thuộc vào thành phần của nguyên liệu chưa đóng gói như được mô tả trong Phiếu An Toàn Hóa Chất. Phân loại vận chuyển có thể thay đổi tùy theo phương tiện vận chuyển, kích thước bao bì và nhiều yếu tố khác theo quy định của vùng hoặc quốc gia.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật an toàn, sức khỏe và môi trường theo:
- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;
- Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 1 năm 2026 của Chính phủ quy định các Danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất;
- Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 1 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 1 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;
- Nghị định số 28/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 1 năm 2026 của Chính phủy quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất;
- Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 1 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;
- Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 1 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;
- Hóa chất phải lập phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt và xây dựng phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt (nếu có);
- Và các quy định của pháp luật có liên quan.

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Những thay đổi liên quan kể từ phiên bản trước

1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất	:	2026/08/25
Phiên bản	:	9.1
Ngày in	:	2026/08/27

Thông tin khác

Các thông tin khác	:	Các thông tin trên được cho là chính xác nhưng không có nghĩa là bao gồm tất cả và chỉ được sử dụng như một hướng dẫn. Thông tin trong tài liệu này dựa trên hiểu biết hiện tại chúng tôi và được áp dụng cho sản phẩm về các biện pháp phòng ngừa an toàn thích hợp. Thông tin này không phải là bảo đảm cho các đặc tính của sản phẩm. Sigma-Aldrich Corporation và các Chi nhánh sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào do quá trình xử lý hoặc do tiếp xúc với sản phẩm trên. Xem www.sigma-aldrich.com và/hoặc mặt sau của hóa đơn hoặc phiếu giao hàng để biết thêm các điều khoản và điều kiện bán hàng. Bản quyền 2025 của Sigma-Aldrich Co. LLC. Giấy phép được cấp để tạo nhiều bản sao bằng giấy cho mục đích sử dụng nội bộ.
Đầu mối	:	Soạn thảo bởi: Merck KGaA LS-QR-H Địa chỉ/Số điện thoại: 64271 Darmstadt Germany/+49 6151 72-0
Định dạng ngày tháng	:	năm/tháng/ngày

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư,

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hài hòa Toàn cầu; GLP -Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); LSPN - Danh sách các chất nguy hại được thông báo (Chile); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; MERCOSUR - Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

VN / VI

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada